

Bản án số: **41/2020/HS-ST**
Ngày 07-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Ma Quốc Thề.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS, ngày 24/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn G, sinh ngày 10/8/1987 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Dương Văn H và bà Vương Thị X; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 102/2007/HSST ngày 07/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Dương Văn G 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu 50.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, 50.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường cho bị hại số tiền 572.000đồng. Ngày 04/4/2008, Dương Văn G đã thi

hành xong khoản thu nộp án phí. Đối với khoản bồi thường dân sự đến nay bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

+ Tại bản án số 92/2011/HSST ngày 21/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Dương Văn G 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 27/7/2012, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/02/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Dương Văn M, sinh ngày 11/11/1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Không xác định được và bà Dương Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/02/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn M*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn G, sinh năm 1987, trú tại thôn Q, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Dương Văn M, sinh năm 1985, trú tại thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đều là các đối tượng nghiện ma túy (kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy đối với G và M dương (+) tính). Khoảng 15 giờ ngày 19/02/2020, G một mình đi bộ từ nhà đi theo hướng xã S đi xã Đ. Khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, trú cùng thôn, thấy nhà chị L mở cửa, không có ai ở nhà nên G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi vào nhà chị L quan sát thấy trên nóc tủ lạnh trong gian bếp có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám bạc, ốp nhựa màu hồng, G đến lấy chiếc điện thoại và sạc điện thoại rồi đi về. Sau đó, G gặp M đưa cho M chiếc điện thoại và nói “điện thoại này tao vừa lấy được của nhà bà L”. M cầm chiếc điện thoại trên đến bán cho anh Đỗ Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn B, xã S, là chủ quán điện thoại Tường Quyên. Khi mua điện thoại của M, do điện thoại có mặt khóa phải phá khóa để kiểm tra máy, anh T nghĩ M quên mặt khóa nên đồng ý phá khóa với tiền công phá khóa là 200.000đồng. Trong khi chờ anh T phá khóa, M hỏi vay của anh T 200.000đồng nói dối để trả tiền xe ôm. Anh T đồng ý và đưa tiền cho M, M cầm tiền đi đến khu vực địa phận giữa xã S với xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc mua 200.000đồng Hêrôin của một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ một mình sử dụng hết. Sau đó M quay lại quán điện thoại của

anh T và thỏa thuận bán chiếc điện thoại với giá 1.000.000đồng, anh T trả cho M 800.000đồng, đã trừ đi 200.000đồng M vay trước đó, không lấy tiền công phá khóa. (Chiếc điện thoại trên anh T đã bán ngay sau đó cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 1.050.000đồng). Sau khi bán điện thoại, M đi về gặp G nói bán điện thoại được 800.000đồng. Số tiền trên, M và G đã cùng nhau đi đến huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc mua Hêrôin của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ và cùng nhau sử dụng hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám bạc trị giá 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- 01 sim điện thoại di động nhà mạng Viettel, thuê bao trả sau trị giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*).

- Kết luận số 16/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 06/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận:

- + 01 củ sạc nhãn hiệu Oppo, màu trắng trị giá 46.650đồng.

- + 01 dây sạc loại dùng cho điện thoại Iphone trị giá 46.650đồng.

- + 01 ốp điện thoại Iphone 6 Plus, bằng nhựa trị giá 28.000đồng.

Tổng cộng: 121.300đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Dương Văn G trộm cắp của chị Nguyễn Thị L là 2.871.300đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSSD, ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố: Bị cáo Dương Văn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Dương Văn M về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Dương Văn M phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn G.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn G từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/02/2020).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn M.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/02/2020).

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về phần dân sự và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xử các bị cáo mức án nhẹ nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn M có quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là hộ nghèo, xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo khai nhận vì ham chơi, lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, do đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 19/02/2020, tại nhà chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, trú quán thôn Q, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dương Văn G, sinh năm 1987, trú cùng thôn có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám bạc, trong điện thoại có 01 sim điện thoại di động nhà mạng Viettel thuê bao trả sau; 01 củ sạc nhãn hiệu Oppo, màu trắng; 01 dây sạc loại dùng cho điện thoại Iphone; 01 ốp điện thoại Iphone 6 Plus, bằng nhựa của chị Nguyễn Thị L (Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.871.300đồng). Sau khi trộm cắp được điện thoại Giang đã đưa cho Dương Văn M, sinh năm 1985, trú tại thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đem bán chiếc điện thoại trên cho Đỗ Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang với giá 1.000.000đồng. Khi bán điện thoại, M biết đó là tài sản do G trộm cắp mà có, số tiền bán điện thoại, các bị cáo đã cùng nhau mua ma túy về sử dụng hết.

Hành vi của bị cáo Dương Văn G đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Dương Văn M đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có mức

án tương xứng với nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn G có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Dương Văn M phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Dương Văn G có mẹ đẻ là bà Vương Thị X được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, cần buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tù giam mới thỏa đáng.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Dương Văn M, nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quan điểm và mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra xác định các bị cáo đều là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Dương Văn G theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự và theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn M.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[6] Về phần dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 2.871.300đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng*). Tại phiên tòa hai bị cáo Dương Văn G, Dương Văn M nhất trí bồi thường cho chị L số tiền trên, Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền là 1.435.650đ (*Một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bị cáo Dương Văn G, Dương Văn M và bị hại Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận trên.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Văn T, quá trình điều tra không chứng minh được khi mua điện thoại, T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với các đối tượng đã bán ma túy cho G và M tại khu vực huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của G và M: Công an huyện S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117, 118 cùng ngày 19/3/2020, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Dương Văn M phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

II. Về hình phạt:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn G 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/02/2020).

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/02/2020).

III. Về phần dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận về phần bồi thường dân sự giữa các bị cáo Dương Văn G, Dương Văn M và người bị hại Nguyễn Thị L như sau:

Các bị cáo Dương Văn G, Dương Văn M phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 2.871.300đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi*

một nghìn ba trăm đồng). Chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 1.435.650đ (Một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Khoản tiền phải bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại Nguyễn Thị L có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Dương Văn G, Dương Văn M chậm bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng mỗi bị cáo phải nộp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Tuyên quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Tuyết Mai